

Số: 03/2026/QĐST-HNGĐ

Hưng Yên, ngày 15 tháng 6 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ
V/v Yêu cầu xác định cha cho con

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6 - HƯNG YÊN

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Ông Trần Xuân Bằng

Thư ký phiên họp: Bà Trần Thị Tuyết Trinh – Thư ký Toà án nhân dân khu vực 6 – Hưng Yên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 – Hưng Yên tham gia phiên họp: Bà Nguyễn Việt Hạnh - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 6 năm 2016, tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 6 – Hưng Yên mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số 148/2026/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 05 năm 2026 về việc Yêu cầu xác định cha cho con theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 04/2026/QĐST-HNGĐ ngày 01 tháng 6 năm 2026, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự: Anh Đào Duy B, sinh năm 1990, địa chỉ: Tổ dân phố T, phường T1, thành phố Hải Phòng, căn cước số 031090020684 do Bộ Công an cấp ngày 06/01/2026 và chị Trần Thị M, sinh năm 1986, địa chỉ: Thôn R, xã N, tỉnh Hưng Yên, căn cước số 034186011702 do Bộ Công an cấp ngày 20/9/2024.

(Tại phiên họp anh B và chị M vắng mặt, có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt)

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

Tại Đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự và bản tự khai, người yêu cầu giải quyết việc dân sự là anh Đào Duy B và chị Trần Thị M trình bày như sau: Trong thời gian lao động cùng nhau năm 2019, chị Trần Thị M và anh Đào Duy B quen biết nhau và có quan hệ tình cảm với nhau, chị M có thai với anh B. Ngày 01/11/2020 chị Trần Thị M sinh con gái và đặt tên là Trần Thanh T2, chị M đăng ký khai sinh cho con tại Ủy ban nhân dân (sau đây viết tắt là UBND) xã N1, huyện T3, tỉnh Thái Bình (nay là UBND xã N, tỉnh Hưng Yên) trong giấy khai sinh không có tên cha. Đến ngày 18/3/2026, anh B và chị M đăng ký kết hôn tại UBND

xã N, tỉnh Hưng Yên; vợ, chồng anh B và chị M đã làm Đơn yêu cầu xét nghiệm ADN (huyết thống) giữa anh B và cháu T2 tại Công ty trách nhiệm hữu hạn công nghệ di truyền NOVAGEN, tại Kết quả xét nghiệm ADN số 10419H/2026 ngày 07/4/2026 của Công ty trách nhiệm hữu hạn công nghệ di truyền NOVAGEN, kết luận: Anh Đào Duy B có quan hệ huyết thống cha – con với cháu T2, độ tin cậy trên 99,999999%, anh B, chị M xác định cháu T2 do chị M sinh ra ngày 01/11/2020 là con chung của anh B, chị M, anh B và chị M làm đơn đề nghị Toà án nhân dân khu vực 6 – Hưng Yên giải quyết, xác định anh Đào Duy B là cha đẻ của cháu Trần Thanh T2.

Tại công văn số CV.2205.NOVAGEN/2026 ngày 22/5/2026, Công ty trách nhiệm hữu hạn công nghệ di truyền NOVAGEN trả lời Toà án nhân dân khu vực 6 – Hưng Yên, có nội dung: Công ty trách nhiệm hữu hạn công nghệ di truyền NOVAGEN có tư cách pháp nhân, có thẩm quyền giám định tư pháp về huyết thống cha con, Kết quả xét nghiệm ADN số 10419H/2026 ngày 07/4/2026 của Công ty trách nhiệm hữu hạn công nghệ di truyền NOVAGEN, kết luận: Anh Đào Duy B có quan hệ huyết thống cha – con với cháu Trần Thanh T2, độ tin cậy trên 99,999999% là có căn cứ, đúng sự thật.

Kiểm sát viên, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 – Hưng Yên phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, đương sự đảm bảo đúng pháp luật và đề nghị: Áp dụng Điều 88, Điều 89 và khoản 3 Điều 102 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu của anh Đào Duy B và chị Trần Thị M, xác định cháu Trần Thanh T2, sinh ngày 01/11/2020 là con đẻ của anh Đào Duy B và chị Trần Thị M.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp; yêu cầu của các đương sự và quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 – Hưng Yên tại phiên họp, Toà án nhân dân khu vực 6 – Hưng Yên nhận định:

[1] Về tổ tụng: Anh Đào Duy B, sinh năm 1990; địa chỉ: Tổ dân phố T, phường T1, thành phố Hải Phòng và chị Trần Thị M, sinh năm 1986; địa chỉ: Thôn R, xã N, tỉnh Hưng Yên, anh B và chị M thống nhất đề nghị Toà án nhân dân khu vực 6 – Hưng Yên giải quyết việc việc dân sự “Xác định cha cho con” căn cứ khoản 10 Điều 29, Điều 35, điểm t khoản 2 Điều 39, Điều 40 của Bộ luật Tố tụng dân sự, việc dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân khu vực 6 – Hưng Yên. Tại phiên họp anh Đào Duy B và chị Trần Thị M là người yêu cầu có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt, căn cứ khoản 2 Điều 367 Bộ luật Tố tụng

dân sự, Tòa án vẫn tiến hành phiên họp giải quyết việc dân sự vắng mặt anh B và chị M.

[2] Về nội dung: Trong thời gian lao động cùng nhau năm 2019 anh Đào Duy B và chị Trần Thị M quen biết nhau, phát sinh tình cảm, anh B, chị M có quan hệ tình cảm với nhau và chị M có thai với anh B, ngày 01/11/2020, chị Trần Thị M sinh con và đặt tên con là Trần Thanh T2, chị M đã đăng ký khai sinh cho con tại UBND xã N1, huyện T3, tỉnh Thái Bình mà trong giấy khai sinh không có tên người cha. Ngày 18/3/2026, anh Đào Duy B và chị Trần Thị M đăng ký kết hôn tại UBND xã N, tỉnh Hưng Yên; vợ chồng anh B và chị M làm thủ tục đề nghị Công ty TNHH công nghệ di truyền NOVAGEN xét nghiệm ADN (huyết thống) cha, con giữa anh B và cháu Trần Thanh T2 mà chị M đã sinh ra ngày 01/11/2020, sau khi tiến hành các bước và lấy mẫu giám định theo quy định của pháp luật, tại Kết quả xét nghiệm ADN số 10419H/2026 ngày 07/4/2026 của Công ty TNHH công nghệ di truyền NOVAGEN, kết luận: Anh Đào Duy B có quan hệ huyết thống cha – con với Trần Thanh T2, độ tin cậy trên 99,999999%. Tại Công văn số CV.2205.NOVAGEN/2026 ngày 22/5/2026, Công ty NOVAGEN cung cấp cho Tòa án nội dung như sau: Công ty NOVAGEN có tư cách pháp nhân, có thẩm quyền giám định tư pháp về huyết thống cha con, Kết quả xét nghiệm số 10419H/2026 ngày 07/4/2026, kết luận “Đào Duy B có quan hệ huyết thống cha – con với Trần Thanh T2, độ tin cậy trên 99,999999%”.

[3] Như vậy, có đủ căn cứ để kết luận, anh Đào Duy B là cha đẻ của cháu Trần Thanh T2, căn cứ Điều 88, Điều 89 và khoản 3 Điều 102 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu xác định cha cho con của anh Đào Duy B và chị Trần Thị M là có căn cứ.

[4] Về lệ phí: Do yêu cầu của anh Đào Duy B và chị Trần Thị M về xác định cha cho con, căn cứ điểm b khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, thì anh Đào Duy B và chị Trần Thị M được miễn lệ phí giải quyết việc dân sự, trả lại số tiền tạm ứng lệ phí giải quyết việc dân sự sơ thẩm đã nộp cho anh B.

[5] Về quyền kháng cáo, kháng nghị: Người yêu cầu anh Đào Duy B và chị Trần Thị M có quyền kháng cáo quyết định; Viện kiểm sát cùng cấp, Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị quyết định giải quyết việc dân sự, trong thời hạn theo quy định tại Điều 371 và 372 của Bộ luật tố tụng dân sự.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 10 Điều 29, Điều 35, điểm t khoản 2 Điều 39, Điều 40, Điều 146, Điều 149, Điều 370, Điều 371, Điều 372 của Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 88, Điều 89, khoản 3 Điều 102 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Điểm b khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

2. Chấp nhận đơn yêu cầu của của người yêu cầu là anh Đào Duy B và chị Trần Thị M về việc xác định cha cho con.

3. Xác định anh Đào Duy B, sinh ngày 28/6/1990, căn cước số 031090020684 do Bộ Công an cấp ngày 06/01/2026, nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và địa chỉ hiện nay: Tổ dân phố T, phường T1, thành phố Hải Phòng là cha đẻ của cháu Trần Thanh T2, sinh ngày 01/11/2020, giới tính: Nữ, số định danh cá nhân 034320013614 (Giấy khai sinh số 180 ngày 24/12/2020 tại Ủy ban nhân dân xã N1, huyện T3, tỉnh Thái Bình, nay là Ủy ban nhân dân xã N, tỉnh Hưng Yên).

4. Người yêu cầu anh Đào Duy B và chị Trần Thị M được quyền thực hiện các thủ tục khai sinh và làm lại các giấy tờ về hộ tịch cho cháu Trần Thanh T2 theo quy định của pháp luật tại các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

5. Về lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự: Anh Đào Duy B và chị Trần Thị M được miễn lệ phí giải quyết việc dân sự. Trả lại anh Đào Duy B 300.000 đồng tạm ứng lệ phí sơ thẩm anh Biên đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng lệ phí số 0002287 ngày 05/5/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Hưng Yên.

6. Về quyền kháng cáo, kháng nghị: Các đương sự có quyền kháng cáo Quyết định giải quyết việc dân sự trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được quyết định hoặc kể từ ngày quyết định được thông báo, niêm yết. Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 – Hưng Yên có quyền kháng nghị trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày 15/6/2026, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hưng Yên có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày 15/6/2026.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hưng Yên;
- VKSND khu vực 6 – Hưng Yên;
- Phòng THADS khu vực 6 – Hưng Yên;
- Người yêu cầu;
- UBND xã N, tỉnh Hưng Yên;
- Lưu HSVDS.

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN HỢP

(đã ký)

Trần Xuân Bằng